

CÔNG TY TNHH CAO SU NAM KINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CAO SU NAM KINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM KINH RUBBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NAM KINH RUBBER CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3703208416

3. Ngày thành lập: 07/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

136 Tổ 5, Ấp Đồng Bà Ba, Xã Long Hoà, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0385784844

Fax:

Email: caosunamkinh@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì Chi tiết : Bán buôn gạo	4631
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm(không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn rau củ quả sấy khô (dạng bột và dạng nguyên củ), ngũ cốc và các loại hạt (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thực phẩm chức năng.	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than củi	4661
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ, tre, nứa	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón; bán buôn cao su thiên nhiên ; bán buôn hạt nhựa, tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn hóa chất	4669
17.	Trồng cây cao su	0125
18.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
19.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
21.	Giáo dục nhà trẻ	8511
22.	Giáo dục mẫu giáo	8512
23.	Giáo dục tiểu học	8521
24.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
25.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
26.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy làm đẹp, dạy chăm sóc da. Dạy thẩm mỹ ; Dạy phun thêu thẩm mỹ ; Dạy trang điểm; Dạy cắt tóc, uốn tóc và các công nghệ về tóc; Dạy chăm sóc và vẽ móng; Dạy xoa bóp; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
27.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8560
28.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết : Phòng khám chuyên khoa phẫu thuật thẩm mỹ (không lưu trú bệnh nhân) Phòng khám chuyên khoa da liễu (không lưu trú bệnh nhân)	8620
29.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết : - Dịch vụ chăm sóc da (Chăm sóc da bằng mỹ phẩm, không phẫu thuật, không gây chảy máu) - Dịch vụ chăm sóc da chuyên sâu cho từng loại da khác nhau bằng mỹ phẩm - Dịch vụ xoa bóp sức khỏe ; tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh tan mỡ bụng, làm thon thả thân hình)	9610
30.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (trừ các hoạt động gây chảy máu)	9631

31.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Phun xăm thêu trên da (không sử dụng thuốc tê dạng tiêm); Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp, trị mụn, nám tàn nhang, dịch vụ tẩy trắng; dịch vụ tư vấn làm đẹp và các dịch vụ khác (dịch vụ thẩm mỹ không dùng phẫu thuật, không gây chảy máu)	9639
32.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
33.	Quảng cáo	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thẩm mỹ ; dịch vụ tư vấn chăm sóc sắc đẹp	7490
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp	4690
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán lẻ gạo; Bán lẻ thực phẩm; Bán lẻ rau củ quả sấy khô (dạng bột và dạng nguyên củ), ngũ cốc và các loại hạt. Bán lẻ thực phẩm chức năng.	4722
39.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
42.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: sản xuất đồ gỗ gia dụng	1629
44.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Chế biến mủ cao su	2013
45.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Sản xuất cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b)	2219
47.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì, sản phẩm ngành nhựa; Sản xuất băng keo, viên nén (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R 141b và tái chế phế thải, luyện cán cao su tại trụ sở).	2220
48.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
49.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế	4933
53.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	5012
54.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	5022
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).	5210
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ kinh doanh bến bãi ô tô)	5221
57.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy	5229(Chính)
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630
64.	Đại lý du lịch	7911
65.	Điều hành tua du lịch	7912
66.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
70.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

